

Bản án số: 438/2022/HSST

Ngày: 19 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trục

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Nam;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều T1 – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 540/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4345/2022/HSST/QĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4920/ HSST/QĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lại Đăng K; giới tính: nam; sinh ngày 28 tháng 4 năm 1979, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: E10.6 Tầng 11, Chung cư A, số 959-961-965 H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: Đại học; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây – Ngân hàng TMCP Đông Á; con ông: Lại Năng T và bà Trần Thị Bích T; vợ: Phạm Thị Nhã U và có 02 người con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Lý Thị H, giới tính: nữ; sinh ngày 26 tháng 11 năm 1975, tại tỉnh Bình T3; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 77/39 L, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: thôn T, xã N, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình T3; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Đại học; nghề nghiệp: Nguyên Giao dịch viên Chi nhánh Quận B – Ngân hàng TMCP Đông Á; con ông: Lý Minh C và bà: Lê Thị N; chồng: Nguyễn Phú Q và có 02 người con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Nguyễn Thị Thu N, giới tính: nữ; sinh ngày 21 tháng 12 năm 1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 19C, Lô B, KP3, P. B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Cao đẳng; nghề nghiệp: Nguyên Giao dịch viên Chi nhánh Quận B – Ngân hàng TMCP Đông Á; con ông: Nguyễn Văn Tuấn và bà: Nguyễn Thị H; chồng: Phan Ngọc T và có 02 người con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Nguyễn Văn T, giới tính: nam; sinh ngày 04 tháng 6 năm 1976, tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: 258/89 D, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ Chi nhánh Quận B – Ngân hàng TMCP Đông Á; con ông: Nguyễn Văn L và bà: Trần Thị D; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Trương Thị Xuân T1, giới tính: nữ; sinh ngày 06 tháng 01 năm 1984, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 57C/13 H, Phường G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Thủ quỹ Ngân hàng TMCP Đông Á, PGD Bến xe Miền Tây; con ông: Trương T và bà: Trương Thị L; chồng: Phan Thanh H và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Ông Nguyễn D - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lại Đăng K - có mặt.

+ Bà Ngô Huỳnh Phương T2 - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trương Thị Xuân T1 - có mặt.

+ Bà Lê Phương A - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lý Thị H - có mặt.

Bị hại: Ngân hàng TMCP Đông Á, hội sở chính: Địa chỉ: 130 L, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, có đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân M, Bà Trương Việt Thùy H và Bà Lâm Thị Vân H1 – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (viết tắt Ngân hàng Đông Á) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0009/NH-GP ngày 27/3/1992 của

Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Giấy phép thành lập 135GP-UB ngày 06/4/1992 của UBNDTP Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301442379; đăng ký lần đầu ngày 08/4/1992, thay đổi lần thứ 39 ngày

11/9/2015. Trụ sở chính đặt tại 130 L, Phường B, quận P, người đại diện theo pháp luật là ông Võ Minh T2, chủ tịch HĐQT. Ngân hàng Đông Á có vốn điều lệ là 5.000 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp nhà nước trong các năm 2013 - 2015 là 14,74%;

Hoạt động tín dụng của Ngân hàng Đông Á được thực hiện theo lập trình sẵn trên hệ thống máy tính; Giao dịch viên, Kiểm soát viên và Lãnh đạo Phòng giao dịch/Chi nhánh... (trừ Thủ quỹ) được Ngân hàng cấp tài khoản sử dụng các phần mềm quản lý hệ thống của Ngân hàng với username duy nhất và password tương ứng với chức năng nhiệm vụ theo chức danh công việc (*không thể cấp đồng thời quyền nhập liệu, điều chỉnh dữ liệu của Giao dịch viên và quyền duyệt dữ liệu của Kiểm soát viên cho cùng 01 tên đăng nhập*), mỗi người sử dụng hệ điều hành chỉ có một định danh duy nhất và được xác thực, nhận dạng, lưu dấu vết khi truy cập. Ngân hàng Đông Á quy định rõ cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật mật khẩu, thoát khỏi hệ thống khi không làm việc hoặc tạm thời không làm việc trên hệ thống và không được cung cấp cho bất cứ người nào khác (kể cả lãnh đạo) dưới bất kì hình thức nào).

- *Về quy trình mở Sổ tiết kiệm*: Người mở tài khoản phải trực tiếp thực hiện thủ tục gửi tiền lần đầu trên tài khoản tiết kiệm, không chấp nhận trường hợp ủy quyền mở tài khoản tiền gửi tiết kiệm (các lần gửi tiền tiếp theo vào tài khoản tiết kiệm đã mở thì có thể gửi thông qua người khác theo quy định). Khách hàng xuất trình các giấy tờ cá nhân (CMND, CCCD, Hộ chiếu...) đăng ký thông tin và lưu chữ ký mẫu vào biểu mẫu theo quy định thì Giao dịch viên lập Giấy gửi tiết kiệm (hoặc giấy tờ có giá) theo mẫu BM-KT-01; sau khi thu ngân thu tiền, Giao dịch viên tiến hành nhập thông tin cá nhân (họ tên, CMND hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại do khách hàng cung cấp...), số tiền gửi, kỳ hạn gửi, hình thức nhận lãi, hình thức trả lãi, kèm chữ ký khách hàng đưa vào hệ thống theo dõi trên máy tính của Ngân hàng Đông Á (viết tắt là FCC), rồi chuyển Giấy gửi tiết kiệm (có chữ ký của Khách hàng, Giao dịch viên và Thủ quỹ nhận tiền) cho Kiểm soát viên kiểm tra, nếu đúng thì Kiểm soát viên ký xác nhận, đóng dấu tại Giấy gửi tiết kiệm và bấm nút “Duyệt” trên hệ thống, sau đó trả lại Giấy gửi tiết kiệm cho Giao dịch viên để giao cho khách hàng (Kiểm soát viên cũng có thể trực tiếp giao cho khách hàng khi Giao dịch viên bận việc); sau khi Giao dịch viên bấm nút “Xác nhận” thì khoản tiền gửi này được xác lập tại hệ thống, bắt đầu phát sinh mức lãi và các quy định khác của ngân hàng.

Về quy trình tắt toán (đóng) Sổ tiết kiệm: Việc tắt toán chỉ được thực hiện khi các sổ gửi tiết kiệm đã hết thời hạn gửi hoặc theo yêu cầu đề nghị của khách hàng (nếu rút tiền trước hạn thì phải chấp nhận các điều kiện Ngân hàng về lãi suất). Khách hàng muốn rút tiền đã gửi tiết kiệm liên hệ trực tiếp với Giao dịch viên, viết vào Giấy đề nghị và xuất trình Sổ tiết kiệm, giấy tờ tùy thân (CMND/Hộ chiếu); Giao dịch viên sau khi thực hiện công tác đối chiếu làm thủ tục bút toán trên hệ thống với hai hình thức:

- *Hình thức rút tiền mặt*: Giao dịch viên đăng nhập hệ thống FCC nhập số tiền mặt cần rút, sau đó cầm Sổ tiết kiệm và giấy tờ tùy thân của khách hàng đến trình và thông báo số tiền rút cho Kiểm soát viên biết, Kiểm soát viên đăng

nhập tài khoản và mật khẩu vào hệ thống để kiểm tra nếu đúng thì bấm nút “Duyệt” (*Mật khẩu của kiểm soát viên vào hệ thống chỉ là kiểm tra- kiểm soát đối với giao dịch viên; còn việc bút toán rút tiền từ tài khoản Sổ tiết kiệm chỉ có tên đăng nhập, mật khẩu của riêng Giao dịch viên mới làm được*), sau đó chuyển Sổ tiết kiệm và giấy tờ tùy thân của khách hàng cho Giao dịch viên để bấm nút “xác nhận”, hệ thống sẽ in ra Phiếu chi (thể hiện thông tin đầy đủ khách hàng, số tài khoản, số tiền rút; thành phần ký tại phiếu gồm: Khách hàng, Thủ quỹ, Giao dịch viên, Kiểm soát viên); Giao dịch viên ký trước tại phần giao dịch viên, chuyển cho Kiểm soát viên ký tại phần kiểm soát, sau đó chuyển Phiếu chi này cùng Sổ tiết kiệm và giấy tờ tùy thân khách hàng cho Thủ quỹ để thực hiện giải ngân. Sau khi giao nhận tiền, Thủ quỹ và khách hàng ký vào Phiếu chi; Phiếu chi lập thành 02 bản, một bản giao cho khách hàng, còn một bản lưu lại kế toán; hoàn trả giấy tờ tùy thân, còn Sổ tiết kiệm nếu rút hết tiền trong tài khoản thì Ngân hàng thu hồi để lưu giữ tại Phòng kế toán theo quy định, nếu không rút hết thì giao lại Sổ cho khách hàng sau khi chỉnh số tiền dư, thời hạn, tỷ lệ lãi suất, có chữ ký của Giao dịch viên (tại phần giao dịch viên) và chữ ký của Kiểm soát viên tại phần kiểm soát trên Sổ.

- *Hình thức rút tiền chuyển khoản*: Khách hàng rút tiền đã gửi tiết kiệm để chuyển đến một tài khoản khác, ngoài việc xuất trình Sổ tiết kiệm và giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu) còn phải thực hiện lập và ký chứng từ Ủy nhiệm chi theo mẫu Ngân hàng, trong đó có thông tin người chuyển, số tiền, người nhận (tên cá nhân, hay pháp nhân, số tài khoản, tên ngân hàng mở tài khoản, nội dung chuyển tiền); Giao dịch viên đối chiếu chữ ký với chữ ký đăng ký của khách hàng trước đó tại Ngân hàng đã được lưu tại hệ thống, nếu đúng thì Giao dịch viên, Kiểm soát viên thực hiện bút toán, bằng cách: Chuyển số tiền rút từ tài khoản Sổ tiết kiệm đến một tài khoản trung gian tại Ngân hàng Đông Á để có cơ sở làm thủ tục báo có tiền chuyển vào tài khoản khách hàng, Giao dịch viên đăng nhập mật mã vào hệ thống quản lý thẻ (còn gọi XCARD), nhập thông tin, số tiền để ra Phiếu báo có; Giao dịch viên ký tại phiếu này (phiếu này không giao cho khách hàng, chỉ lưu giữ chứng từ kế toán Ngân hàng). Giao dịch viên vào XCARD in ra Phiếu chuyển khoản, thể hiện thông tin đầy đủ khách hàng, số tài khoản, số tiền chuyển, thành phần ký tại Phiếu, gồm: Giao dịch viên, Kiểm soát viên; Lãnh đạo Phòng giao dịch (trên thực tế tại phòng giao dịch Bến xe Miền Tây thì chữ ký của Lê Mỹ T3 – Kiểm soát viên trên Phiếu chuyển khoản đã đủ cơ sở cho Giao dịch viên thực hiện chuyển tiền).

- *Về quy định kiểm soát mua, bán vàng thông qua khâu trừ tiền gửi tiết kiệm*: Khách hàng có nhu cầu mua vàng từ rút tiền gửi tiết kiệm, thì thao tác rút tiền tại Sổ tương tự như nội dung rút tiền Sổ tiết kiệm nêu trên. Sau khi làm thủ tục rút tiền xong, Giao dịch viên vào hệ thống mua bán vàng bằng mật khẩu của mình làm thủ tục mua bán trên hệ thống, thông báo cho Kiểm soát viên để kiểm tra, nếu không có sai sót thì bấm nút “Duyệt” trên hệ thống, Giao dịch viên bấm nút “xác nhận” để in ra hoá đơn bán vàng, có phần chữ ký của khách hàng và đại diện bên Ngân hàng (lãnh đạo Chi nhánh/Phòng giao dịch); Phiếu chi vàng có đầy đủ chữ ký của Giao dịch viên, Kiểm soát viên, Lãnh đạo Chi

nhánh/Phòng giao dịch (kiểm soát phần phiếu chi vàng này, giống như kiểm soát tại Phiếu chi rút tiền mặt Sổ tiết kiệm), sau đó chuyển đến Thủ quỹ để thực hiện giao vàng cho khách hàng, khách hàng và Thủ quỹ ký tên trên Phiếu chi khi đã giao nhận đủ vàng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các cá nhân Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu N, Trương Thị Xuân T1 là cán bộ Ngân hàng Đông Á đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ được giao theo quy trình nêu trên, đã để Lê Mỹ T3 (kiểm soát viên) lợi dụng chiếm đoạt tiền, gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á, cụ thể như sau:

1. Hành vi của Lại Đăng K (Nguyên Phó Giám đốc Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây - Ngân hàng Đông Á) để cho Lê Mỹ T3 sử dụng user, pass của mình duyệt giao dịch rút tiền từ Sổ tiết kiệm, duyệt giao dịch trên tài khoản trung gian, gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền 900.000.000 đồng:

Ngày 15/8/2014, Lê Mỹ T3 bị cắt quyền kiểm soát viên trên hệ thống, vì được điều động làm nhân viên mobile hỗ trợ Phòng giao dịch Âu Cơ (*user của T3 không có giá trị duyệt tại Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây*), T3 sử dụng user, pass của Giao dịch viên Nguyễn Thị Thu T4 (*T3 giả chữ ký của khách hàng W*) để hạch toán rút một phần sổ tiết kiệm số 010879280003 của khách hàng W và sử dụng user, pass của Lại Đăng K (đã chủ quan, thiếu ý thức khi cung cấp user, pass của mình cho Lê Mỹ T3) duyệt giao dịch rút số tiền 500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản “GL 204691013 – Phải trả thu thẻ DAB”. Cùng ngày, T3 thực hiện giao dịch chuyển vào tài khoản cá nhân số 0101264155 của T3 mở tại Ngân hàng Đông Á, sau đó rút ra chiếm đoạt, thể hiện qua các chứng từ:

- Phiếu chuyển khoản ngày 15/8/2014 (Số chứng từ: 200002003; số giao dịch: 079FTWT142270010); người lập phiếu “THAONTT1”; kiểm soát và lãnh đạo: “KHOALĐ”; hạch toán chuyển số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản sổ tiết kiệm 010879280003 vào tài khoản “GL 204691013 – Phải trả thu thẻ DAB”;

- Giấy báo có ngày 15/8/2014 (STT giao dịch: 204338; số tham chiếu: BC957858950), mã nhân viên: “THAONTT1”; hạch toán chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân số 0101264155 của Lê Mỹ T3;

- Sổ kế toán chi tiết ngày 07/12/2015 (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 07/12/2015) của tài khoản sổ tiết kiệm 010879280003 đứng tên khách hàng W, thể hiện ngày 15/8/2014 có phát sinh giao dịch hạch toán số tiền 500.000.000 đồng.

Tương tự hành vi nêu trên, ngày 04/11/2014, Lê Mỹ T3 được điều động làm nhân viên mobile hỗ trợ Chi nhánh quận U (user, pass của T3 không có giá trị duyệt tại Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây). Lợi dụng sự tin tưởng của đồng nghiệp, T3 sử dụng user, pass của Giao dịch viên Nguyễn Thị Thu T4 hạch toán giao dịch chuyển 400.000.000 đồng từ tài khoản số 103699006 đến tài khoản “GL 204691013 – Phải trả thu thẻ DAB” (đều là tài khoản trung gian của Ngân

hàng Đông Á) và sử dụng user, pass của Lại Đăng K (cung cấp) để duyệt giao dịch. sau đó rút ra chiếm đoạt, thể hiện qua các chứng từ:

- Phiếu chuyển khoản ngày 04/11/2014, số tiền 400.000.000 đồng từ tài khoản số 103699006 đến tài khoản số 204691013 (đều là tài khoản trung gian của Đông Á); Người lập phiếu: “THAONTT1”; Kiểm soát và Lãnh đạo: “KHOALD”;

- Giấy báo có ngày 04/11/2014, số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 0101264155 của Lê Mỹ T3 mở tại Ngân hàng Đông Á; Mã nhân viên: “THAONTT1”.

2. Hành vi của Lý Thị H (nguyên giao dịch viên Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Quận B) có hành vi thực hiện giao dịch khi không có mặt khách hàng gây thiệt hại số tiền 600.000.000 đồng:

Từ ngày 18/8/2014 đến ngày 4/11/2015, Lê Mỹ T3 được Ngân hàng Đông Á điều động về hỗ trợ kiểm soát viên kế toán tại Chi nhánh Quận U. Ngày 11/12/2014, Lê Mỹ T3 tự lập 01 Ủy nhiệm chi, giả chữ viết và chữ ký khách hàng Nguyễn Thị T5, nội dung chuyển khoản 600.000.000 đồng từ Sổ tiết kiệm số 002672970100 của khách hàng Nguyễn Thị T5, mở ngày 30/09/2014, trị giá 622.535.469 đồng tại Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây sang tài khoản cá nhân của Phan Trung T4 (chồng T3). Khi đưa chứng từ cho Lý Thị H, Lê Mỹ T3 nói dối khách hàng Nguyễn Thị T5 là mẹ chồng của mình và nhờ H thực hiện giao dịch này. Tin tưởng T3 là kiểm soát viên kế toán và T3 nói sẽ chịu trách nhiệm về giao dịch này, dù khách hàng Nguyễn Thị T5 không có mặt tại Ngân hàng, Ủy nhiệm chi không hợp lệ (chữ ký, chữ viết là của T3), không có Sổ tiết kiệm kèm theo (theo quy định không được thực hiện Ủy nhiệm chi chuyển khoản từ sổ tiết kiệm cho người khác mà không phải là chủ sổ tiết kiệm) nhưng Lý Thị H vẫn thực hiện giao dịch Ủy nhiệm chi. Các chứng từ, gồm: Ủy nhiệm chi; Phiếu chuyển khoản; Giấy báo có, đã được Giao dịch viên Lý Thị H thực hiện, ký tên và chuyển cho Lê Mỹ T3 duyệt giao dịch chuyển 600.000.000 đồng từ Sổ tiết kiệm nêu trên vào tài khoản trung gian “204691013” của Ngân hàng, đồng thời đăng nhập vào hệ thống để báo có số tiền trên vào tài khoản số 0103215232 của Phan Trung T4 mở tại Ngân hàng Đông Á, sau đó T3 rút tiền ra để chiếm đoạt.

3. Hành vi của Nguyễn Thị Thu N (nguyên Giao dịch viên và Nguyễn Văn T, nguyên Thủ quỹ của Chi nhánh Quận B - Ngân hàng Đông Á) liên quan đến việc Lê Mỹ T3 chiếm đoạt 400.000.000 đồng thông qua rút tiền từ Sổ tiết kiệm 002672970101 của khách hàng Nguyễn Thị T5, mở ngày 30/9/2014, trị giá 500.000.000 đồng; và chiếm đoạt 300.000.000 đồng thông qua rút tiền từ Sổ tiết kiệm số 002672970093 của khách hàng Nguyễn Thị T5, mở ngày 28/02/2014, trị giá 602.857.000 đồng, gây thiệt hại tổng cộng số tiền 700.000.000 đồng:

Ngày 26/02/2015, Lê Mỹ T3 yêu cầu Lý Thị H rút số tiền 430.000.000 đồng từ Sổ tiết kiệm 002672970098 (do T3 giả số 002672970067 thành 002672970097 để gộp thành sổ này, đã nêu tại Bản án trước) của khách hàng Nguyễn Thị T5 mở ngày 24/7/2014, trị giá 541.729.777đ tại Phòng giao dịch B và gửi số tiền 433.150.000 đồng (T3 bù thêm 3.150.000 đồng) vào sổ tiết kiệm

002672970093 của khách hàng Nguyễn Thị T5. Lý Thị H đồng ý thực hiện theo yêu cầu của T3 vì tin đây là người nhà của T3, sau đó chuyển chứng từ cho T3 duyệt. Mục đích rút và chuyển số tiền 433.150.000 đồng vào sổ tiết kiệm 002672970093 do sổ này đến kì đáo hạn nên T3 phải chuyển lại đủ gốc và lãi để tránh bị phát hiện do ngày 10/3/2014, T3 đã rút 390.000.000đ trong sổ này từ khi còn làm ở Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây (đã nêu tại Bản án). Ngày 28/2/2015, đến kỳ đáo hạn của sổ tiết kiệm 002672970093, T3 in từ hệ thống một cuốn tiết kiệm mới (sử dụng phôi sổ tiết kiệm thật) và giao cho bà Nguyễn Thị T5, đồng thời thu lại cuốn sổ tiết kiệm cũ.

Ngày 14/3/2015, Lê Mỹ T3 đưa “Giấy lĩnh tiền kiêm bảng kê” mang tên Nguyễn Thị T5 cho giao dịch viên Nguyễn Thị Thu N và nói khách hàng Nguyễn Thị T5 là người nhà của T3, nhờ Ngân rút giùm số tiền 300.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm 002672970093 và 400.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm 00267297101. Trên “Giấy lĩnh tiền kiêm bảng kê” này chưa có chữ ký của khách hàng, chỉ có chữ viết của T3 và thực tế cũng không có khách hàng tới Ngân hàng để thực hiện giao dịch, đồng thời không có sổ tiết kiệm nào. Nhưng vì T3 là kiểm soát kế toán nên Nguyễn Thị Thu N tin tưởng thực hiện giao dịch, in Phiếu chi 700.000.000 đồng trên hệ thống FCC của Ngân hàng, ký tên Giao dịch viên trên Phiếu chi và “Giấy lĩnh tiền kiêm bảng kê” chuyển chứng từ lại cho T3 ký duyệt và T3 giao cho Nguyễn Văn T ký nhận. Sáng ngày 15/3/2015, Lê Mỹ T3 giao lại cho Nguyễn Thị Thu N, Thủ quỹ Nguyễn Văn T các chứng từ là “Giấy lĩnh tiền kiêm bảng kê”, Phiếu chi có chữ ký tại phần chủ tài khoản và người lĩnh tiền. Sau đó, giao dịch viên Nguyễn Thị Thu N đã giao lại chứng từ cho Phạm Thị N - Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân ký nhận để lưu kế toán theo quy định. Sau khi chiếm đoạt tổng cộng 700.000.000 đồng từ 02 sổ tiết kiệm nêu trên, Lê Mỹ T3 lấy danh nghĩa khách hàng Nguyễn Thị T5 để mua 20 lượng vàng SJC tại Chi nhánh quận U (mua 90 chỉ vàng SJC vào ngày 14/3/2015 và mua 110 chỉ vàng SJC vào ngày 17/3/2015, mục đích để T3 trả lại vàng cho khách hàng Thu Ánh do đã chiếm đoạt trước đó), như sau:

- Ngày 14/3/2015, GDV Nguyễn Thị Thu N thực hiện giao dịch theo yêu cầu của T3, thể hiện khách hàng Nguyễn Thị T5 mua 90 chỉ vàng SJC trên hệ thống, với số tiền 318.510.000 đồng. Sau đó, giao dịch viên Nguyễn Thị Thu N giao chứng từ cho T3 ký duyệt để chuyển cho Thủ quỹ Nguyễn Văn T thực hiện chi vàng theo yêu cầu của T3 mặc dù không có khách hàng Nguyễn Thị T5 đến Ngân hàng giao dịch (T3 nói mua vàng giùm mẹ chồng).

- Ngày 14/3/2015, do quỹ của Chi nhánh Quận U không đủ lượng vàng cần mua nên số tiền chiếm đoạt còn lại là 381.490.000 đồng (700.000.000 đồng – 318.510.000 đồng), Lê Mỹ T3 nhờ giao dịch viên Bùi Thị Mai P thực hiện giao dịch mở sổ tiết kiệm số 002672970103, kỳ hạn 01 tuần, đứng tên khách hàng Nguyễn Thị T5. Ngày 17/3/2015, Chi nhánh Quận U đã có đủ số vàng nên T3 lấy danh nghĩa khách hàng Nguyễn Thị T5 nhờ giao dịch viên Bùi Thị Mai P làm thủ tục rút số tiền 380.080.000 đồng trên hệ thống, từ sổ tiết kiệm 002672970103 để mua 110 chỉ vàng SJC, trị giá 388.080.000 đồng tại Chi nhánh Quận U;

Trong giao dịch này, Lý Thị H có hành vi sai phạm (tương tự giao dịch viên Nguyễn Thị Thu N) nhưng Lê Mỹ T3 thực hiện rút số tiền 430.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm số 002672970098 để chuyển vào sổ tiết kiệm 002672970093, cùng của khách hàng Nguyễn Thị T5 nên không đủ căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự đối với Lý Thị H về sai phạm trên. Riêng giao dịch viên Bùi Thị Mai P có hành vi thực hiện giao dịch rút số tiền 380.080.000 giao dịch viên từ sổ tiết kiệm 002672970103 đứng tên khách hàng Nguyễn Thị T5 sai quy định, nhưng thiệt hại đã xảy ra trước đó (T3 đã hoàn thành hành vi chiếm đoạt 700.000.000 giao dịch viên vào ngày 14/3/2015) nên không đủ căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự đối với Bùi Thị Mai P.

4. Hành vi của Trương Thị Xuân T1 (Nguyên Thủ quỹ PGD Bến xe Miền Tây - Ngân hàng Đông Á) chi tiền khi không có mặt khách hàng, liên quan đến việc Lê Mỹ T3 chiếm đoạt 970.000.000đ thông qua rút tiền từ Sổ tiết kiệm 010879280001 của khách hàng W, mở ngày 04/3/2013, trị giá 1.761.000.000đ, kỳ hạn 13 tháng.

Theo Bảng mô tả công việc thì Thủ quỹ Trương Thị Xuân T1 có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động thu chi, tồn quỹ của Ngân hàng tại đơn vị theo nguyên tắc thu đủ, chi đúng; Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan về những tài sản khác được lưu giữ tại kho quỹ của đơn vị; Kiểm soát và ký duyệt các giao dịch liên quan đến hoạt động Ngân quỹ tại quầy tuân thủ theo đúng quy định, quy trình và đảm bảo tính chính xác; Thực hiện việc kiểm đếm thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, vàng, các loại giấy tờ có giá...

Ngày 05/4/2014, Lê Mỹ T3 dùng user, pass của Giao dịch viên Vũ Thị Bích D hạch toán tất toán sổ tiết kiệm 010879280001 của khách hàng W và sử dụng tài khoản đăng nhập (Username) của T3 để duyệt giao dịch rút tiền mặt, số tiền 1.970.874.339đồng từ sổ tiết kiệm này và chuyển “Phiếu chi” (Số chứng từ 10000026; Số giao dịch: 079CLWL140950012) cho Thủ quỹ Trương Thị Xuân T1 chi tiền. Mặc dù lúc này không có mặt khách hàng W và không có Sổ tiết kiệm kèm theo, nhưng do T3 nói khách hàng này là bạn của mẹ chồng T3, đồng thời “Phiếu chi” đã có chữ ký của Kiểm soát viên kế toán Lê Mỹ T3 nên T1 tin tưởng thực hiện, ký tên tại mục “Thủ quỹ” và đóng dấu “Đã chi tiền” lên chứng từ.

Trong cùng ngày 05/4/2014, Lê Mỹ T3 tiếp tục thực hiện các hành vi:

- T3 tự viết một “Giấy nộp tiền kiêm bảng kê”, số tiền 970.000.000đồng nộp vào tài khoản số 0103215232 của khách hàng W, T3 giả chữ ký của khách hàng, giả chữ ký của Giao dịch viên Vũ Thị Bích D và đưa chứng từ cho Thủ quỹ Trương Thị Xuân T1 ký nhận. Lúc này không có khách hàng W đến Ngân hàng yêu cầu thực hiện giao dịch và không có sổ tiết kiệm kèm theo, nhưng vì tin tưởng Lê Mỹ T3 và chủ quan là giao dịch cần trừ “Phiếu chi” số tiền 1.970.874.339đồng nên T1 đồng ý thực hiện giao dịch, ký tên tại mục “Thủ quỹ”, ghi chữ “Cần trừ 1-26” (Cần trừ Phiếu chi số tiền 1.970.874.339đồng) và đóng dấu “Đã thu tiền” lên chứng từ. Sau đó, T1 giao lại chứng từ này cho T3 và T3 đã viết thêm mở ngoặc, đóng ngoặc số tài khoản 0103215232 và ghi thêm số tài khoản cá nhân của T3 bên cạnh là 0101264155. Sau cùng, T3 dùng tên

đăng nhập (username), mật khẩu (password) của Giao dịch viên Vũ Thị Bích D hạch toán Phiếu thu để nộp số tiền 970.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân số 0101264155 của T3 và dùng username Kiểm soát kế toán của T3 để duyệt giao dịch trên hệ thống chiếm đoạt.

- T3 tự viết một “Giấy gửi tiết kiệm”, tên khách hàng W, kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.000.000.000đồng, giả chữ ký của khách hàng trên “Giấy gửi tiết kiệm”, mở thành sổ tiết kiệm số 010879280003 tên W và chuyển chứng từ này cho Thủ quỹ Trương Thị Xuân T1. Tương tự trên, lúc này Trương Thị Xuân T1 biết rõ không có mặt khách hàng W tại Ngân hàng nhưng vẫn thực hiện giao dịch, ký tên tại mục “Thủ quỹ” và ghi chữ “Cẩn trừ 1-26” (Cẩn trừ Phiếu chi số tiền 1.970.874.339đ), đóng dấu “Đã thu tiền” lên chứng từ.

Như vậy, Thủ quỹ Trương Thị Xuân T1 đã thực hiện giao dịch cẩn trừ 01 Phiếu chi, số tiền 1.970.874.339đ và 02 Phiếu thu, tổng cộng 1.970.000.000 đồng(gồm 01 Giấy nộp tiền kiêm bảng kê, số tiền 970.000.000 đồng và 01 Giấy gửi tiết kiệm, số tiền 1.000.000.000đồng), còn lại số tiền 874.339đồng (1.970.874.339đồng – 1.970.000.000đồng) thì T1 chi tiền mặt trực tiếp cho T3 (chỉ có lời khai, không có chứng từ chi tiền mặt 874.339đồng). Cơ quan điều tra đã thu thập các chứng từ liên quan giao dịch trên, gồm:

- Giấy gửi tiết kiệm/Giấy tờ có giá; kèm Bảng chi tiết phát sinh (Sổ tiết kiệm) số 010879280001 của khách hàng W, mở ngày 04/3/2013, trị giá 1.761.000.000đồng, kỳ hạn 13 tháng;

- Phiếu chi (Số chứng từ: 10000026; Số giao dịch: 079CLWL140950012), ngày 05/4/2014, số tiền 1.970.874.339đ;

- Giấy nộp tiền kiêm bảng kê (Số CT: 134605), ngày 05/4/2014, người nộp tiền: W, số tiền 970.000.000 đồng;

- Giấy gửi tiết kiệm (sổ tiết kiệm) số 010879280003, ngày 05/4/2014, tên khách hàng W, kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.000.000.000 đồng;

- Phiếu thu (Số chứng từ: 10000024; Số giao dịch: 079DEBK140950004), ngày 05/4/2014, số tiền 1.000.000.000 đồng;

- Sổ kế toán chi tiết ngày 07/12/2015 (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 07/12/2015) thể hiện ngày 05/4/2014 có phát sinh giao dịch hạch toán số tiền 1.970.874.399 đồng;

- Sao kê chi tiết phát sinh của tài khoản số 0101264155 đứng tên Lê Mỹ T3, thể hiện ngày 05/4/2014 nộp tiền mặt vào tài khoản, số tiền 970.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 thừa nhận toàn bộ hành vi sai phạm như trên, và khai: các bị can không biết việc Lê Mỹ T3 chiếm đoạt tài sản, không hưởng lợi từ việc này, vì tin tưởng, chủ quan T3 là kiểm soát viên kế toán và là đồng nghiệp làm chung Ngân hàng, các giao dịch thực T3 thực hiện giúp mẹ chồng, người thân đã lớn tuổi. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngân hàng còn gặp khó khăn về nhân sự nên dù biết trái quy định, Khoa vẫn cho T3 mượn user, pass và H, N, T, T1 đã thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của Lê Mỹ T3 dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á. Các bị can đã xem và xác

nhận các chứng từ do Ngân hàng Đông Á cung cấp và tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập về hành vi phạm tội, số tiền gây thiệt hại là chính xác, đúng sự thật.

Các khách hàng W, Nguyễn Thị Tiên đều khai không đến Ngân hàng Đông Á thực hiện các giao dịch rút tiền từ sổ tiết kiệm trước hạn, không biết việc Lê Mỹ T3 chiếm đoạt tiền thông qua các sổ tiết kiệm của họ và xác nhận chữ viết, chữ kí trên các chứng từ rút tiền từ sổ tiết kiệm không phải do các cá nhân này kí và viết ra.

Lời khai của bị án Lê Mỹ T3, các khách hàng đứng tên sổ tiết kiệm và cá nhân liên quan phù hợp với các chứng cứ trong vụ án về hành vi phạm tội, số tiền bị chiếm đoạt; Kết luận giám định số 2581/KL-KTHS và Kết luận giám định số 3118/KL-KTHS kết luận chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N Trương Thị Xuân T1 do cùng một người ký ra. Riêng chữ ký của Nguyễn Văn T không đủ cơ sở kết luận giám định.

Tại bản cáo trạng số 346/CT-VKS-P3 ngày 17 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong phần tranh luận các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các Luật sư. Nói lời sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là Ngân hàng Đông Á có các văn bản số 1172/DAB-PC ngày 07/4/2022; 2367/DAB ngày 15/7/2021; 664/DAB-PC ngày 09/3/2020 xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và tại phiên tòa (có đại diện theo ủy quyền) tiếp tục đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận đã luận tội phân tích tính chất, mức độ, động cơ, vai trò phạm tội của từng bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 360; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 mỗi bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù. Trong phần đối đáp lời bào chữa của các luật sư đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội và đề nghị xử phạt, tuy nhiên có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các tình tiết giảm nhẹ do các bị cáo, Luật sư bổ sung tại phiên tòa để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nếu có cơ sở.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lại Đăng K trình bày: đồng ý tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố. Chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo các tình

tiết, bị cáo phạm tội xuất phát từ vai trò nhiệm vụ được giao không gắn với chức danh Phó giám đốc phòng giao dịch, việc phát hiện ra vi phạm của Lê Mỹ T3 là từ Phòng giao dịch bến xe Miền Tây, hậu quả đã được ngăn chặn khắc phục, tuy nhiên bản thân bị cáo vẫn có ý thức bồi thường cho Ngân hàng, một số hành vi Viện kiểm sát quy kết, bị cáo không có trách nhiệm trực tiếp, hành vi vi phạm của bị cáo do xuất phát từ công việc bị cáo phải vắng mặt nên để đảm bảo hoạt động liên tục của chi nhánh bị cáo đã giao User, pass của mình cho Lê Mỹ T3 (do tin tưởng T3) nên đã bị lợi dụng; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; được bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Thị H trình bày: đồng ý tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố. Chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội; bị cáo có thời gian dài cống hiến cho ngân hàng Đông Á và có nhiều thành tích xuất sắc được khen thưởng; phạm tội do lỗi vô ý vì nể nang đồng nghiệp, hậu quả đã khắc phục, được bị hại xin không truy cứu trách nhiệm hình sự; gia đình có công cách mạng; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt quy định và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thị Xuân T1 trình bày: đồng ý tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên đề nghị xem xét cho bị cáo tại thời điểm phạm tội bị cáo đang nuôi con nhỏ nên có lẽ công việc bị T3 lợi dụng, không được hưởng lợi ích gì; khi bị khởi tố thì bị cáo đang mang thai và hiện đang nuôi con dưới 36 tháng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; thuộc gia đình có công cách mạng để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng theo nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra

thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo đã có hành vi vi phạm, cụ thể:

- Lại Đăng K, với vai trò là Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây của Ngân hàng Đông Á từ năm 2013 – 2015, đã chủ quan, thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, khi giao toàn bộ công việc kế toán cho kiểm soát viên Lê Mỹ T3 phụ trách mà không thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định; vi phạm quy định của Ngân hàng Đông Á trong việc quản lý con dấu; quản lý phôi sổ tiết kiệm; chấm và đối chiếu các tài khoản trung gian; kiểm tra, giám sát tính hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ, các quy định, quy trình giao dịch một cửa tại Phòng giao dịch; thiếu ý thức giữ bảo mật tài khoản đăng nhập đã cung cấp user, pass cho Lê Mỹ T3 nên T3 đã lợi dụng để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Đông Á (từ tiền gửi của khách hàng). Hành vi của Lại Đăng K đã vi phạm Điều 10, Điều 11 Quy định về Quản lý quyền sử dụng các ứng dụng nghiệp vụ ngân hàng (... *“Tuyệt đối không giao Username, Password cho người khác sử dụng với bất kỳ lý do gì”*; *“Lãnh đạo đơn vị phải gương mẫu trong việc bảo mật Username, Password. Không giao Username, Password của mình cho nhân viên khi đi vắng, hoặc công tác bên ngoài”*); Vi phạm Điều 5.1.2 của Quy định về mật khẩu (*“Không tiết lộ, chia sẻ, nói về, gợi ý, viết, lưu lại mật khẩu với bất kỳ ai”*...) do Ngân hàng Đông Á ban hành ngày 22/4/2013. Hậu quả gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền 900.000.000 đồng.

- Đối với Lý Thị H, với vai trò là giao dịch viên Ngân hàng Đông Á - Chi nhánh Quận U: H biết khách hàng Nguyễn Thị T5 không đến Ngân hàng để thực hiện giao dịch, chứng từ là “Ủy nhiệm chi” vào ngày 11/12/2014, chỉ có chữ viết của Lê Mỹ T3 và không có chữ ký của khách hàng, đồng thời không có sổ tiết kiệm kèm theo, không phải là khách hàng, nên theo quy định không được thực hiện Ủy nhiệm chi đối với tài khoản có kỳ hạn, nhưng do nể nang (T3 là kiểm sát kế toán) H vẫn thực hiện giao dịch sai quy định theo yêu cầu của Lê Mỹ T3. *Hành vi của Lý Thị H đã vi phạm Khoản 17.1, Khoản 17.2 và Khoản 12.1 của Quy chế về Tiền gửi tiết kiệm và GTCG (do Ngân hàng Đông Á ban hành ngày 22/4/2013)*, dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền 600.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị Thu N, với vai trò là Giao dịch viên Chi nhánh Quận U - Ngân hàng Đông Á: Ngân biết khách hàng Nguyễn Thị T5 không có mặt tại Ngân hàng để thực hiện giao dịch vào ngày 14/3/2015, “Giấy lĩnh tiền kiêm bảng kê” chỉ có chữ viết của Lê Mỹ T3 và không có chữ ký của khách hàng, đồng thời không có sổ tiết kiệm kèm theo, nhưng do nể nang (T3 là kiểm sát kế toán) Ngân vẫn thực hiện giao dịch và sau Ngân còn giúp T3 thực hiện giao dịch thể hiện Nguyễn Thị T5 mua 90 chỉ vàng SJC trên hệ thống. Hành vi của Nguyễn Thị Thu N đã vi phạm *Điều 7 Khoản 7.1 và Điều 12 Khoản 12.1 của Quy chế về Tiền gửi tiết kiệm và GTCG (do Ngân hàng Đông Á ban hành lần 4 ngày 22/4/2013)*, dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền 700.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn T, với vai trò là Thủ quỹ Chi nhánh Quận U - Ngân hàng Đông Á: Ngày 14/3/2015, Nguyễn Văn T thực hiện chi tiền, vàng từ sổ tiết kiệm của khách hàng cho người khác, không phải là chủ sở hữu sổ tiết kiệm và thực hiện giao dịch khi khách hàng không đến ngân hàng xuất trình chứng từ yêu cầu thực hiện giao dịch. Ngoài ra Nguyễn Văn T còn ký hợp thức hóa các chứng từ thu, chi, đồng thời trực tiếp chi 20 lượng vàng SJC cho khách hàng Nguyễn Thị T5 nhưng lại giao cho Lê Mỹ T3 (từ việc T3 chiếm đoạt 700.000.000 đồng từ sổ tiết kiệm Nguyễn Thị T5 và lấy danh nghĩa Nguyễn Thị T5 để mua 20 lượng vàng SJC của Chi nhánh Quận U). Hành vi của Nguyễn Văn T vi phạm *Điều 8 và Điều 10 Khoản 10.2* của Quy định quản lý an toàn kho quỹ, giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý và GTCG (do Ngân hàng Đông Á ban hành ngày 17/07/2014), dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho Ngân hàng Đông Á số tiền 700.000.000 đồng.

- Đối với Trương Thị Xuân T1 với vai trò là Thủ quỹ Phòng giao dịch Bến xe Miền Tây - Ngân hàng Đông Á: Trương Thị Xuân T1 đã thực hiện giao dịch, ký hợp thức hóa các chứng từ thu, chi tiền (Giấy nộp tiền kiêm bảng kê; Giấy gửi tiết kiệm; Phiếu chi; Phiếu thu) sai quy định khi không có khách hàng W đến giao dịch, không có sổ tiết kiệm kèm theo và không có chữ ký của khách hàng trên chứng từ (chỉ có chữ viết họ tên W do T3 giả) do nể nang Lê Mỹ T3. Hành vi của Trương Thị Xuân T1 vi phạm *Điều 8 Khoản 8.2 và Điều 10 Khoản 10.2* của Quy định quản lý an toàn kho quỹ, giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý và GTCG của Ngân hàng Đông Á (theo QĐ-NVNQ-005 ban hành ngày 17/07/2014); vi phạm *Điều 24, khoản 24.6 và 24.7* của Nội quy lao động (theo QC-QTNL-002 ban hành lần 04 ngày 12/12/2014), dẫn đến hậu quả đã gây thiệt hại số cho Ngân hàng Đông Á tiền 970.000.000 đồng.

Hành vi trên của Lại Đăng K, Lý Thị H, Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn T, Trương Thị Xuân T1 đã phạm vào tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đối chiếu quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 với điều luật tương ứng nêu trên của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có lợi hơn nên được áp dụng để xét xử đối với các bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Ngoài ra Hội đồng xét xử cũng xét thấy hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động Ngân hàng” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 206 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuy nhiên hành vi của các bị cáo xảy ra vào năm 2014 – 2015 và Điều 179 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” không có quy định về hành vi của các bị cáo nên không xử lý các bị cáo về tội

danh này là có căn cứ.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và an toàn của các tổ chức tín dụng, gây thiệt hại cho tài sản của Ngân hàng Đông Á các quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Các bị cáo thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao về hoạt động của các tổ chức tín dụng, do cầu thả, nể nang tin tưởng vào đồng nghiệp, thiếu kiểm tra, giám sát, dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng. Các bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo điểm c khoản 2 của Điều luật đã viện dẫn.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, có thời gian dài công tác cống hiến cho ngành ngân hàng; được bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự; thuộc gia đình có công với cách mạng; hiện có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Trương Thị Xuân T1 đang mang thai lúc bị khởi tố nên được áp dụng qui định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ nhận định trên, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, động cơ, vai trò phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ (tương ứng) của từng bị cáo. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nhân thân tốt phạm tội lần đầu và phạm tội do lỗi vô ý, hành vi phạm tội xảy ra đã lâu và được bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú các bị cáo đã chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật nên xét không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại bản án số 152/2019/HS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bị hại Ngân hàng Đông Á không có yêu cầu gì thêm nên Tòa không xét.

Trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử đối với phần luận tội và đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát và quan điểm bào chữa của Luật sư, lời trình bày bị cáo tại phiên tòa.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+Xử phạt: Bị cáo Lại Đăng K 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2022. Giao bị cáo Lại Đăng K cho Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị H 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2022. Giao bị cáo Lý Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu N 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2022. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu N cho Ủy ban nhân dân phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Ngân cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05

(năm) năm tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2022. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Xuân T1 03 (ba) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2022. Giao bị cáo Trương Thị Xuân T1 cho Ủy ban nhân dân Phường G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T1 có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án xin xét xử phúc thẩm.

(Đã giải thích chế định về án treo cho các bị cáo biết).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư (3)
- Bị hại (1)
- Bị cáo; (5)
- THA HS; (5)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (5)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (32) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trục